

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 10- 9-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi

Con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Dương Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2020/QĐXX-PT ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên Đơn :** Anh Đặng Quang Q; sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ A, phường TV, thành phố T;

( Có mặt)

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư Thiệu Thị Thanh H, Văn phòng luật sư HT, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt)

**2. Bị Đơn :** Chị Đào Thị Cẩm T; sinh năm 1987;

ĐKKHKT: Tổ A, phường TV, thành phố T;

Nơi ở: Khu dân cư số B, tổ B, phường TD, thành phố T.

(Có mặt )

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Nguyễn Hữu T - Công ty Luật TNHH HD;

Địa chỉ: Phòng X tầng Y, nhà B, khách sạn TT, số Z LVT quận TX, thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Đào Thị Cẩm T là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh Đặng Quang Q trình bày:

Anh và chị Đào Thị Cẩm T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường TV, thành phố T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, bế tắc nên ngày 21 tháng 5 năm 2019 vợ chồng anh đã thống nhất ly hôn và đã lập biên bản về việc phân chia tài sản chung, nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh Q xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị T để giải phóng cho nhau và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo biên bản thỏa thuận ngày 21/5/2019 của hai vợ chồng.

Nội dung biên bản thỏa thuận: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013, Đặng Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2015. Khi ly hôn anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Tú Q1 đến khi trưởng thành còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Quỳnh A đến khi trưởng thành để hai vợ chồng cùng san sẻ trách nhiệm cũng như nghĩa vụ nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Q sửa đổi yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu anh được nuôi cả hai con chung thì anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/ tháng/ hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng đã thỏa thuận xong việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đào Thị Cẩm T trình bày: Chị xác nhận những thông tin mà anh Q trình bày về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung là đúng. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013, Đặng Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2015.

Tại thời điểm vợ chồng lập biên bản làm việc ngày 21/5/2019 để thỏa thuận việc chia tài sản chung và nuôi con chung sau khi ly hôn thì chị cũng hoàn toàn nhất trí để cho anh Q nuôi dưỡng cháu Đặng Tú Q1 còn chị nuôi dưỡng con chung Đặng Quỳnh A. Tuy

nhiên sau một thời gian sống ly thân chị mới có thời gian để bình tâm suy nghĩ lại về những yếu tố sẽ ảnh hưởng về tâm sinh lý đối với con chung sau khi cha mẹ ly hôn và chị thấy rằng hiện nay hai con chung còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, bảo ban của mẹ, 02 cháu đều là con gái nên chị T chăm sóc, giáo dục sẽ tốt hơn. Do vậy, tại phiên hòa giải ngày 11/02/2020, chị T thay đổi ý kiến đã thỏa thuận trong biên bản ngày 21/5/2019 về việc nuôi con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, nếu sau này các cháu lớn hơn thì chị và anh Q sẽ ngồi bàn bạc lại về việc nuôi con. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013, Đặng Quỳnh A sinh ngày 28/5/2015. Lý do chị xin thay đổi là một thời gian sống ly thân chị mới có thời gian để bình tâm suy nghĩ lại về những yếu tố sẽ ảnh hưởng về tâm sinh lý đối với con chung sau khi cha mẹ ly hôn, chị đã cố gắng ổn định tâm lý cho các cháu và hiện nay các cháu sống với chị phát triển rất tốt. Hơn nữa về điều kiện chăm sóc giáo dục thì chị có điều kiện hơn anh Q chị có nhà riêng, thu nhập hàng tháng từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ, cao hơn anh Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xin tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng đã thỏa thuận xong việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 37/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng các Điều 28,35, 39, 146, 147, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2017/NQ- 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đặng Quang Q.

1.Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Quang Q và chị Đào Thị Cẩm T.

2.Về con chung:

- Giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Đặng Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Q chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2020 bị đơn chị Đào Thị Cẩm T có đơn kháng cáo đề nghị giao con chung cháu Đặng Tú Q1 sinh ngày 23/8/2013 cho chị chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị Đào Thị Cẩm T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị T trình bày các căn cứ kháng cáo như sau: Chị có nghề nghiệp ổn định, thu nhập của chị cao hơn anh Q, có nhà riêng, chị có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn anh Q. Hiện nay cháu Q1 đã đủ 7 tuổi, chị T đề nghị Hội đồng xét xử hỏi ý kiến của con về nguyện vọng của con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T trình bày quan điểm bảo vệ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, giao con chung là Đặng Tú Q1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử hỏi ý kiến của cháu Q1 có nguyện vọng ở với ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đặng Quang Q cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu chứng cứ về thu nhập của anh Q (bảng lương và một quyết định bổ nhiệm nhân viên thị trường).

Anh Q trình bày: Anh có thu nhập ổn định, hiện nay anh ở chung cùng bố mẹ đẻ, ổn định. Anh và chị T đã thống nhất và tự phân chia tài sản chung, nuôi con chung trước khi ly hôn. Anh có đủ điều kiện để chăm sóc con chung và đề nghị được nuôi con chung là Đặng Tú Q1, không nhất trí kháng cáo của chị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q trình bày quan điểm bảo vệ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của anh Q, anh Q có đủ điều kiện để chăm sóc cháu Đặng Thị Tú Q1 như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị Cẩm T. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giữ nguyên bản án số 37/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đào Thị Cẩm T làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Quang Q và chị Đào Thị Cẩm T được ly hôn. Anh Q và chị T không kháng cáo nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung:

Anh Q và chị T có 02 con chung là Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013, Đặng Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2015.

Xét nội dung kháng cáo của Đào Thị Cẩm T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Tú Q1. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của anh Q và chị T tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện. Về điều kiện chăm sóc giáo dục con chung. Anh Q và chị T đều có đủ điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế, điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung của các bên và giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013. Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Đặng Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thỏa thuận về trách nhiệm chăm sóc con chung giữa chị T và anh Q tại biên bản làm việc ngày 21/5/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T không có chứng cứ nào chứng minh anh Q không có đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của chị T đề nghị được nuôi con chung Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn của tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Q không được chấp nhận nên chị Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Đào Thị Cẩm T.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng các Điều 28,35, 39, 146, 147, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đặng Quang Q.

1.Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Quang Q và chị Đào Thị Cẩm T.

2.Về con chung:

- Giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Đặng Tú Q1, sinh ngày 23/8/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Giao cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Đặng Quỳnh A sinh ngày 28/5/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Q chị T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: anh Q phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002235 ngày 25/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chị T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm. được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí phúc thẩm chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003261 ngày 15/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP T;
- THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Phương**